TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **-------- ✯✯✯ --------**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/03/2019

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

T□A □N NHÂN DÂN QUỐN □□NG □A - THÀNH PH□ HÀ N□I

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ***Ông V- ơng Đăng Khoa***
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cờ
Bà Vũ Thị Mai

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thu Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2019/TLST- HNGĐ ngày 8/01/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 01/03/2019, giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: **Chị Lê Huyền T**, sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú và hiện cư trú: Số 245 Xã Đàn, phường Đ, quận Đống Đa, Hà Nội.(Có mặt)

Bị đơn: **Anh Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú và hiện cư trú: Số 14 ngõ 1 Đê La Thành, phường Q, quận Đống Đa, Hà Nội.Hiện đang thi hành án tại Trại giam Thanh Xuân. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Huyền T trình bày:

1. Về tình cảm:Tôi và anh Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, quận Đống Đa, Hà Nội ngày 28/05/2010. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận tới năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng tôi đã ly thân từ năm 2016 tới nay.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi làm đơn này đề nghị cho tôi ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung. Tên là: Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/08/2010. Tôi trực có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T tự nguyện nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và không có yêu cầu gì.

Ngoài những vấn đề trên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

*Tại bản tự khai tại Trại giam Thanh Xuân, anh Nguyễn Thanh T trình bày:

1. Về tình cảm: Tôi và chị Lê Huyền T kết hôn tự nguyện ngày 28/05/2010 tại UBND phường Q, quận Đống Đa, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 05/2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, không hợp tính cách, không có sự chia sẻ quan tâm đến nhau. Cuộc sống chung sống không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên tôi nhất trí với nguyện vọng ly hôn của chị T.

2. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung, là Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/08/2010. Tôi nhất trí giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với tôi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trang tự nguyện nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và không có yêu cầu gì đối với tôi.

Tôi xin được vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại buổi xét xử cho đến khi kết thúc vụ án. Tôi nhất trí với tất cả quan điểm của chị T, không có ý kiến gì khác.

Quá trình thông báo hòa giải anh T thể hiện quan điển muốn đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn anh T, anh T đồng ý ly hôn chị T.

Tại phiên tòa chị T, vẫn giữ nguyên quan điểm nh- đã trình bày là ly hôn anh T, chị xin nuôi con chung; Tài sản , nợ không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên toà có ý kiến: Việc Thẩm phán tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên toà đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng trình tự xét xử quy định từ Điều 243 đến Điều 263 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Huyền T, chị T đ- ợc ly hôn anh Nguyễn Thanh T;Con chung: Xác nhận anh chị có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/08/2010.

Ly hôn giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh T;Tài sản chung: không yêu cầu nên không xét; Nợ chung: không

yêu cầu nên không xét.Án phí chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Tại thời điểm chị Lê Huyền T xin ly hôn, anh Nguyễn Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 14 ngõ 1 Đê La Thành, phường Q, quận Đống Đa, Hà Nội.Do đó, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền, đúng quy định tại Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ như thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự trong vụ án. Nhưng hiện anh T đang thụ án tại trại giam Thanh Xuân và anh có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Huyền T và anh Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND phường Q, quận Đống Đa, Hà Nội ngày 28/05/2010. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

- Quá trình giải quyết vụ án chị T trình bày từ ngay sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận tới năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn của anh chị hai bên gia đình đều biết, có khuyên giải nhưng không cải thiện mà ngày càng trầm trọng,cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh T đồng ý ly hôn.

- Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau; Với điều kiện, hoàn cảnh nh- hiện nay của anh chị thì không có cuộc sống hạnh phúc; cả hai đều không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng; mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, khả năng đoàn tụ là không thể .

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn ly hôn của chị Lê Huyền T. Chị Lê Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

Con chung: Xác nhận chị T và anh T có một con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/08/2010.Ly hôn, chị T và anh T cùng nhất trí giao cho chị T,trực tiếp nuôi dưỡng một con chung và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh T.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc anh chị thỏa thuận với nhau về việc giao con cho chị T nuôi dưỡng là hoàn toàn chính đáng. Vì chị T trực tiếp nuôi dưỡng, điều kiện ăn ở sinh hoạt của chị T sẽ thuận tiện và phù hợp .

Do đó, căn cứ Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung cho chị Trang,trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh T.

-Tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị T anh T đều khảng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Tòa không xem xét.

-Nợ chung: Chị T, anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Tòa không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Huyền T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Huyền T và anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên !

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 56, Điều 57, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều Điều 35, Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Huyền T

Chị Lê Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Thanh T

2. Con chung: Xác nhận chị T và anh T có một con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/08/2010. Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T, cho đến khi có quyết định khác thay thế.

Anh T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. **Tài sản chung**: Chị T, anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Tòa không xem xét.

4. **Nợ chung**: Chị T, anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Tòa không xem xét.

5. **Án phí**: Chị Lê Huyền T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng(Ba trăm ngàn đồng), án phí dân sự sơ thẩm đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008173 ngày 8/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa;

□n xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn chị Lê Huyền T có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T, đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Đ- ơng sự;
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

V- ơng Đăng Khoa